

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2012
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁT TIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 87/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m².

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1. Khu vực thị trấn:		
1	Từ trạm xăng dầu Cát Tiên đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyển	1,450
2	Từ đất nhà ông Trần Duy Tập đến hết đường đi vào Xưởng điều (cạnh nhà ông Quý)	900
3	Từ giáp đất ông Trần Văn Quý đến giáp ranh đất xã Phù Mỹ	600
4	Từ đất nhà máy chà ông Hoàng Văn Tư đến hết đất ông Trần Văn Dũng và hết nhà ông Vũ Thanh Tương	1,200
5	Từ đất nhà ông Trần Hữu Kỳ đến cầu Hai cô	800
6	Từ đất nhà ông Trần Văn Lâm đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Lương (hướng đi Gia Viễn)	800
7	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Lương đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Lưu (đi Gia Viễn)	900
8	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Lưu đến hết đất nhà ông Đinh Văn Bắc (hướng đi Gia Viễn)	600
9	Từ giáp đất nhà ông Đinh Văn Bắc đến hết đất nhà ông Vũ Văn Tào (hướng đi Gia Viễn)	400
10	Từ đất nhà ông Lê Văn Dục đến giáp cầu Gia Viễn	200
11	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Theo đến hết đất nhà ông Lưu Vũ Vinh (đi hướng Đức Phổ)	550
12	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Minh đến hết đất nhà ông Trần Văn Thòa (đi hướng Đức Phổ)	800
13	Từ đất nhà ông Trần Văn Dũng đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hòa (đi hướng Đức Phổ)	400
14	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Lãm đến giáp ranh xã Đức Phổ (đi hướng Đức Phổ)	300
15	Tuyến 9.1 (Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Hương đến hết đất nhà Bùi Văn Hồng)	150
16	Tuyến 9.2 (Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Mão đến hết đất nhà ông Đào Xuân Thành)	200
17	Tuyến 9.3 (Từ đất nhà bà Trần Thị Hương Thương đến giáp khu dân cư đường lô 2)	350

SỐ TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
18	Tuyến 8.1 (Từ đất nhà ông Vũ Đình Thiều đến giáp khu dân cư đường lô 2)	120
19	Tuyến 8.2 (Từ đất nhà ông Đình Văn Diện đến giáp khu dân cư đường lô 2)	400
20	Tuyến 8.3 (Từ đất nhà ông Khương Đình Phùng đến giáp trường Tiểu học Võ Thị Sáu)	110
21	Tuyến 8.4 (Từ đất nhà ông Đặng Xuân Sinh đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lin)	150
22	Tuyến 3.1 (Từ Xưởng điều đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Hà)	200
23	Tuyến 3.2 (Từ đất nhà ông Lã Quang Doanh đến hết đất nhà Văn hóa Khu)	110
24	Từ đất nhà ông Đặng Xuân Đức đến hết đất nhà ông Nguyễn Hồng Sơn	160
25	Từ đất nhà bà Đỗ Thị Ngọc Trinh đến đường Khu 8.4	300
26	Tuyến 7.1 (Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Ngân đến đất nhà ông Đỗ Huy Hòa)	200
27	Tuyến 7.2 (Từ khu dân cư đường lô 2 đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Lục)	120
28	Từ đất nhà ông Trần Văn Tâm đến hết đất nhà ông Phạm Văn Thanh	100
29	Tuyến đường nội bộ khu Kinh doanh	350
30	Tuyến 6.1 (Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Đức đến giáp đất khu dân cư đường lô 2 (Gát CA)	260
31	Tuyến đường nội bộ Làng đồng bào dân tộc (Buôn Go)	110
32	Từ tuyến đường tái định cư làng đồng bào dân tộc (Đường đối diện suối chuồng bò)	300
33	Từ tuyến đường tái định cư làng đồng bào dân tộc còn lại	165
34	Tuyến 5.1 (Từ đất nhà ông Trần Văn Minh đến hết đất nhà ông Hà Ngô)	200
35	Tuyến 5.2 (Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Lương đến giáp khu dân cư đường lô 2)	140
36	Tuyến 5.3 (Từ đất nhà ông Đình Hải Lương đến hết đất nhà ông Bùi Đình Nhung)	150
37	Từ đất nhà bà Lục Thị Nong đến đất nhà ông Nguyễn Văn Hiền (Mới bổ sung)	110
38	Từ đất nhà ông Vũ Sơn Đông đến hết đất nhà ông Phạm Văn Viện (đường Bù khiêu)	500
39	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Quán đến giáp ranh xã Đức Phô (đường Bù khiêu)	300
40	Tuyến 1.1 (Từ cuối đất nhà trẻ khu 1 đến giáp mương Đắc lô)	110
41	Tuyến 1.2 (Từ đất nhà bà Vũ Thị Hà đến giáp mương thủy lợi)	110
42	Tuyến 10.1 (Từ đất nhà ông Chu Đình Quyết đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thuận)	100
43	Tuyến 10.2 (Từ đất nhà ông Hoàng Văn Rum đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Hiền)	75
44	Tuyến Khu 2.1 từ đất bà Đặng Thị Cúc đến hết đất ông Lương Văn Bốn (Từ cầu 2 cô đi vào)	70

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
45	Tuyến Khu 2.2 từ đất nhà ông Mai Văn Lâm đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Lim	180
46	Tuyến Khu 2.3 từ đất ông Trần Văn Vinh đến hết đất nhà Trịnh Văn Lịch	70
47	Tuyến đường loại 2: Là những tuyến đường xe 2, 3 bánh ra vào được	60
48	Tuyến đường loại 3: Là những tuyến đường còn lại	55
2. Khu vực Đường lô 2:		
1	Từ giáp ranh xã Phù Mỹ đến giáp đất bà Trần Thị Xuân (lô đất A12-5)	600
2	Từ đất bà Trần Thị Xuân (Lô đất A12-5) đến suối Chuồng bò	620
3	Từ giáp suối Chuồng bò đến hết đất nhà bà Dương Thị Tén (lô đất A6-2)	700
4	Từ giáp đất bà Dương Thị Tén đến giáp đất ông Trần Gà (lô đất A2-9)	600
5	Từ giáp đất ông Trần Gà đến giáp đất ông Vũ Đình Hiền	750

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN :

Đơn vị tính: nghìn đồng/m².

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1	XÃ PHÙ MỸ	
1. Khu vực I :		
- Vị trí 1 :		
1	Từ suối cạn (giáp ranh thị trấn Đồng Nai) đến hết đất bà Ngô Thị Đông (Thôn1)	520
2	Từ đất ông Cao Văn Phương đến hết đất ông Nguyễn Công Trứ (Thôn 1)	600
3	Từ đất ông Phan Hữu Chính đến giáp khu dân cư đường lô 2 (đi theo hướng Mỹ Lâm)	400
4	Từ đất ông Nguyễn Văn Bạo đến hết đất ông Nguyễn Văn Quy (Thôn 2)	520
5	Từ đất ông Lê Thành Cang đến hết đất ông Phan Văn Cường (sửa xe) và Từ đất ông Lê Thành Cang đến hết đất ông Nguyễn Văn Thê (Thôn 3)	750
6	Từ đất bà Phạm Thị Lan đến hết đất ông Thê (Đường vào bãi cát)	500
7	Từ đất ông Đỗ Quốc Toán đến hết đất ông Cao Văn Hoàng (Thôn 4)	350
8	Từ đất ông Vũ Văn Cẩm đến hết đất bà Phạm Thị Thom	250
9	Từ đất ông Nguyễn Nhiều đến hết cơ quan Quân sự huyện	550
10	Từ đất ông Nguyễn Quốc Hưng đến hết đất ông Lê Chu Huân (đường vào TT chính Trị)	250

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	- Vị trí 2 : Là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	130
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	100
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	50
	- Khu vực Đường lô 2:	
1	Từ đầu đường Lô 2 tiếp giáp với đường DT721 đến hết lô đất A27-7	650
2	Từ lô đất A26-39 đến hết đất nhà ông Đoàn Thuận (lô đất A24-15)	620
3	Từ giáp đất ông Đoàn Thuận đến hết đất ông Trương Tấn Mỹ (lô đất A21-31)	650
4	Từ giáp đất ông Trương Tấn Mỹ (lô đất A21-30) đến lô đất A20-10	700
5	Từ giáp lô đất A20-9 đến giáp ranh thị trấn Đồng Nai	650
II	XÃ GIA VIỄN :	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 : Bình quân:	
1	Từ ngã 3 Gia Viễn đến kênh Đa bo A (hướng đi Tiên Hoàng)	530
2	Từ kênh Đa bo A đến hết đất ông Nguyễn Văn Vinh (hướng đi Tiên Hoàng)	350
3	Từ đất bà Đinh Thị Bình đến hết đất bà Nguyễn Thị Tân (hướng đi Tiên Hoàng)	240
4	Từ đất ông Mai Văn Khuê đến giáp ranh xã Tiên Hoàng	120
5	Từ ngã 3 Gia Viễn đến hết đất ông Bùi Thanh Tuyền (hướng đi Nam Ninh)	700
6	Từ giáp đất ông Bùi Thanh Tuyền đến hết đất UBND xã Gia Viễn (hướng đi Nam Ninh)	530
7	Từ giáp đất UBND xã đến hết trường cấp 1 Gia Viễn (hướng đi Nam Ninh)	450
8	Từ đất ông Nguyễn Văn Đại đến hết đất ông Nhữ Văn Tứ (hướng đi Nam Ninh)	220
9	Từ giáp đất ông Nhữ Văn Tứ đến giáp ranh xã Nam Ninh	110
10	Từ ngã 3 Gia Viễn đến hết đất ông Nguyễn Đình Tiến (hướng đi TT Đồng Nai)	550
11	Từ đất ông Đặng Hữu Bình đến giáp cầu 3 Gia Viễn (hướng đi TT Đồng)	300
12	Từ cầu 3 Gia Viễn đến hết đất ông Lê Anh Mạc (hướng đi TT Đồng Nai)	120
13	Từ đất ông Nguyễn Đại Từ đến hết đất ông Phạm Thanh Bình (hướng đi TT Đồng Nai)	250
14	Từ đất ông Phạm Bá Quát đến giáp ranh TT Đồng Nai	110

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
15	Từ đất bà Trần Thị Lĩnh đến hết đất ông Phạm Ngũ (hướng đi vào hồ Đắc Lô)	90
16	Từ đất ông Bùi Đức Hiền đến hết đất ông Bùi Đức Minh đường Vân Minh	130
17	Từ giáp đất ông Bùi Đức Minh đến hết Phân hiệu trường Vân Minh	100
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	80
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	65
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	30
III	XÃ PHƯỚC CÁT 1 :	
	1. Khu vực I:	
	- Vị trí 1:	
1	- Từ đất ông Lâm Văn Quang đến hết đất ông Đặng Văn Long,	1,350
	- Từ đất ông Võ Tấn Phúc đến hết đất ông Phạm Hồng Hoàng	
	- Từ đất ông Phan Văn Cuộc đến hết đất ông Dương xuân Thanh	
	- Từ đất ông Nguyễn Văn Ngọc (BX) đến hết đất ông Đỗ Tiến Bang	
	- Từ đất ông Võ Văn Minh đến hết đất ông Bùi Đình Nhỏ	
	- Từ đất ông Nguyễn Phải đến hết đất ông Nguyễn Văn Thương	
	- Từ đất ông Nguyễn Văn Đức đến hết đất ông Huỳnh văn Hữu	
	- Từ đất ông Tống Văn Định đến hết đất ông Lương Thanh Toan	
	- Từ đất ông Trần Văn Điền đến hết đất ông Kim Văn Bút (chợ)	
2	- Từ đất ông Trương Cao Viên đến giáp đất ông Lâm Văn Quang	1,100
	- Từ đất ông Nguyễn Văn Hiền đến giáp đất ông Võ Tấn Phúc	
3	- Từ đất ông Nguyễn văn Phong đến giáp đất bà Thời Thị Hồng Lạc và từ đất ông Hà Công Khanh đến hết đất bà Hà Thị Hoa.	1,100
	- Từ trường mầm non đến hết đất ông Nguyễn Văn Tâm (Cát Lâm 3)	
	- Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Tâm và đổi diện đất ông Phan Văn Cuộc đến giáp cầu treo	
4	- Từ đất ông Nguyễn Theo đến hết đất bà Trương Thị Trung (ĐH 93)	500
5	- Từ đất ông Trịnh Tiến Dũng và đổi diện Trịnh Phi Hùng đến hết đất Nguyễn Văn Tòng và đổi diện đất ông Võ Xuân Hậu (ĐT 721)	250
6	- Từ cua đá đến hết trường học Cát an và đổi diện nhà ông Trần Hữu Xương	300
7	- Từ đất ông Ngô Xuân Hiền đến giáp đất ông Trương Cao Viên Và đổi diện bên kia đường	400
8	- Từ đất ông Đặng Văn Sang đến hết đất bà Nguyễn Thị Mai.	300

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
8	- Từ đất bà Phan Thị Gái đến hết đất ông Nguyễn Văn Đức.	300
9	- Từ đất ông Trần Văn Hải (hoa xì dầu cũ) đến hết đất bà Võ Thị Năm.	200
	- Từ đất bà Nguyễn Thị Lang đến giáp đất ông Triệu Y Men.	
10	- Từ đất ông Mã Văn Tuấn (Cát lợi) đến hết đất ông Trần Văn Toàn	170
11	- Từ đất ông Bé Xuân Ngũ đến giáp ranh xã Đức Phổ (Đ bàu khiêu)	150
12	- Từ đất bà Nguyễn Thị Ân đến đất ông Kim Văn Bút (nhà ở)	400
13	- Từ đất ông Nguyễn Thái Bình đến hết đất ông Nguyễn Văn Văn (Trần Đình Phương)	250
14	- Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Tông đến giáp trường Tiểu học Kim Đồng	200
15	- Từ trường tiểu học Kim Đồng đến giáp trường Mầm non	700
16	- Từ đất ông Nguyễn Văn Mỡ đến giáp ranh xã Phước Cát 2	150
17	- Từ đất ông Phạm Hồng Phiến Đến giáp kênh thủy lợi No	300
18	- Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Tuấn đến giáp đất ông Trương Thanh Phùng (Cát Lâm 1)	150
19	- Từ giáp phân viện đến đất văn hóa và đối diện đất ông Trần Đường (Cát	300
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	130
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	85
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	50
IV	XÃ MỸ LÂM :	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 :	
1	Từ trạm xá đến hết đất ông Nông Văn Coong	120
2	Từ đất ông Ngô Gia Ngọc đến hết đất ông Nguyễn Hữu Đức	80
3	Từ đất ông Vũ Đức Lợi đến hết đất ông Lê Văn Hồng	70
4	Từ trạm xá đến giáp đất bà Bùi Thị Hằng	80
5	Từ đất bà Bùi Thị Hằng đến hết đất ông Bùi Kiên Định (hướng đi Nam Ninh)	65
6	Từ đất ông Phạm Văn Đông đến giáp ranh xã Nam Ninh	65
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	45

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	35
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	30
V	XÃ QUẢNG NGÃI :	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 :	
1	Từ cầu Đạ sị đến hết đất ông Trần Văn Tư	250
2	Từ đất ông Vũ Thế Phương đến hết đất ông Đặng Thanh Long	380
3	Từ đất bà Bùi Thị Ớt đến hết đất ông Nguyễn Ngọc Khuê	320
4	Từ đất ông Nguyễn Lâm Anh đến giáp đất ông Cao Minh Tuấn	340
5	Từ đất ông Cao Minh Tuấn đến đất trạm xã (cũ)	214
6	Từ đất ông Đồng Hoài Minh đến hết đất ông Nguyễn Văn Xuân	270
7	Từ đất ông Cao Xuân Trường đến hết đất ông Nguyễn Tơ (trung tâm xã)	350
8	Từ đất ông Nguyễn Tấn Hậu đến hết đất ông Nguyễn Như Tài (hướng đi Đạ tẻh)	200
9	Từ đất ông Nguyễn Xuân Lai đến giáp ranh địa phận Đạ tẻh	250
10	Từ đất ông Trần Tấn Hùng đến hết đất ông Trần Văn Khoát	140
11	Từ đất ông Lê Thái Thi đến hết đất Đinh Thiên Vân	120
12	Từ đất ông Đặng Quang Sinh đến hết đất ông Bùi Xuân Tứ	100
13	Từ đất bà Nguyễn Thị Thắm đến hết đất ông Lê Văn Dung	100
14	Từ đất ông Lê Văn Xuân đến hết đất ông Lê Ngọc Hà (BỔ sung)	90
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liền kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	75
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	50
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	30
VI	XÃ TỰ NGHĨA	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 :	
1	Từ đất ông Nguyễn Đức Thắng đến giáp Suối Đạ Sỵ cũ	200
2	Từ đất ông Lê Đình Lam đến hết đất ông Lê Thanh Chương	160
3	Từ đất ông Bùi Văn Hưng đến hết đất Nguyễn Tăng Kiệt	360
4	Từ đất ông Nguyễn Tấn Diệu đến hết đất ông Đào Xuân Định;	340

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
5	Từ đất Phạm Văn Công đến hết đất bà Nguyễn Thị Thọ	210
6	Từ đất ông Phùng Văn Đoàn đến hết đất ông Lê Văn Hồng	85
7	Từ đất ông Trần Văn Sơn đến hết đất ông Khương Đình Phùng	80
8	Từ đất ông Ninh Văn Bích đến hết đất ông Đoàn Anh Tuấn	85
9	Từ đất ông Đoàn Anh Việt đến hết đất ông Nguyễn Văn Thâm (khu trung tâm của xã)	120
10	Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Thâm đến hết đất ông Lê Văn Tiến	80
11	Từ đất ông Hoàng Văn Nông đến hết đất ông Nguyễn Văn Báu	120
12	Từ đất bà Nguyễn Thị Ba đến công 19/5	85
13	Từ đất ông Đỗ Văn Lợi đến hết đất ông Nguyễn Hữu Hải	80
14	Từ sau công 19/5 đến hết đất ông Phạm Văn Lâm	75
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	70
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	50
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	40
VII	XÃ NAM NINH	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 :	
1	Từ cầu 1 Nam Ninh đến hết đất ông Phạm Duy Vàng	195
2	Từ đất ông Mai Văn Tam đến hết đất ông Nguyễn Văn Mùi	170
3	Từ đất ông Trần Văn Tiến đến ranh xã Tiên Hoàng,	120
4	Từ Cầu 1 Nam Ninh đến giáp ranh giới xã Gia Viễn	130
5	Từ đất bà Phạm Thị Cứu đến hết đất ông Nguyễn Đỗ Hùng	100
6	Từ giáp đất ông Nguyễn Đỗ Hùng đến giáp nhà Văn hóa thôn Ninh Hậu	80
7	Từ đất ông Nguyễn Văn Đào đến giáp ranh giới xã Mỹ Lâm	65
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	60
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	45
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	30

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
VIII	XÃ TIÊN HOÀNG :	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 :	
1	- Từ đất ông Đinh Trần Thành đến cầu sắt, và từ ngã ba xã Tiên Hoàng đến hết đất ông Đỗ Đình Quân;	265
2	- Từ đất ông Đỗ Đình Lai đến hết đất ông Đinh Bá Thắng và Từ đất ông Trần Văn Duẩn đến giáp ranh Gia Viễn; - Từ cầu sắt (cầu 5) đến hết đất ông Đinh Tiến Ba. - Từ đất ông Lê Ngọc Chinh đến hết đất ông Hà Hồng Hiền	185
3	- Từ đất ông Trần Hữu Phúc đến hết đất ông Trần Như Chuồng; - Từ đất ông Phạm Xuân Phong đến hết đất ông Nguyễn Ngọc Thơ;	140
4	- Từ đất ông Vũ Văn Kính đến hết đất ông Nguyễn Đức Sơn (thôn 1) - Từ đất ông Phạm Xuân Khanh đến giáp địa phận xã Nam Ninh,	130
5	- Từ đất ông Trần Văn Hoan đến hết đất ông Đinh Công Luyến. - Từ đất ông Đinh Duy Bốn đến hết đất ông Trần Xuân Quỳnh - Từ đất ông Trần Văn Khải đến hết đất ông Nguyễn Phương Huân	110
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	80
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	60
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	45
IX	XÃ ĐỨC PHỔ :	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 :	
1	Từ giáp ranh thị trấn Đồng Nai đến hết đất ông Nguyễn Minh Tuấn	300
2	Từ đất ông Trần Hùng Hiệp đến hết đất ông Lê Chí Chuyên	220
3	Từ đất ông Nguyễn Văn Ban đến cổng văn hoá Thôn 3	240
4	Từ đất ông Nguyễn Đình Dũng đến hết đất ông Huỳnh Tấn Kiệt	380
5	Từ đất ông Nguyễn Mưu đến giáp ranh xã Phước Cát 1,	300
6	Từ giáp ranh thị trấn Đồng Nai (đường Bù khiêu) đến hết đất ông Nguyễn Văn Tinh	220
7	Từ đường vào Khu Ủy khu 6 đến giáp ranh giới xã Phước Cát 1 (đường Bù khiêu)	130
8	Từ cổng văn hóa thôn 4 đến hết đất ông Võ Mươi	105

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	100
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	70
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	45
X	XÃ PHƯỚC CÁT 2:	
	1. Khu vực I:	
	- Vị trí 1 :	
1	Từ cầu sắt Phước Hải đến hết đất ông Trần Duy Đệ	120
2	Từ đất ông Đinh Ích Triều đến hết đất ông Lương Văn Đường	80
3	Từ đất ông Ngô Tùng Bá đến hết đất ông Hồ Bén	70
4	Từ giáp đất Phước Cát 1 đến hết đất ông Hoàng Văn Thóa	70
5	Từ giáp đất ông Hoàng Văn Thóa đến hết đất UBND xã	60
6	Từ đất ông Võ Văn Huê đến hết đất ông Nguyễn Quang Minh	50
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	45
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	35
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	30
XI	XÃ ĐÔNG NAI THƯỢNG:	
	1. Khu vực I :	
	- Vị trí 1 :	
1	Từ trạm Kiểm Lâm đến hết UBND xã	75
2	Từ giáp đất UBND xã đến hết đất ông Điều K Thành	60
3	Từ đất ông Điều K Rẹ đến đất ông Điều K Bôi	60
4	Từ đất ông Điều K Lý đến hết đất ông Điều K Đúp (Bổ sung thêm)	60
	- Vị trí 2 : là những lô đất không có trong danh mục của bảng giá vị trí 1 nêu trên, có một mặt tiếp giáp với trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, bao gồm những lô đất: Liên kề với lô đất vị trí 1; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã (gần UBND xã, Trường học, chợ, trạm Y tế), Khu thương mại và dịch vụ, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực đầu mối giao thông	35

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	2. Khu vực II: Là những lô tiếp giáp trục đường giao thông liên thôn nằm liền kề với những lô đất của khu vực 1; hoặc nằm tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất.	25
	3. Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	20

DiaoCocOnline.vn